

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2025
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo và ông Nguyễn Tấn Phát.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Lệ T, sinh năm 1985; Trú tại: Khu phố M, phường H, tỉnh Đắk Lắk. *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị đơn: Ông Lê Nhật K, sinh năm 1983; Trú tại: Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Lệ T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Vợ chồng bà T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường P, tỉnh Đắk Lắk) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2008 ngày 06/6/2008. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì giữa 2 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, ông K thường xuyên mắng chửi, đánh đập, đã nhiều lần tha thứ nhẫn nhịn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng ông K vẫn không thay đổi. Vì sống chung không được nên ông K đã bỏ đi làm xa, thỉnh thoảng mới về. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân hơn 06 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông K để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống có 02 con chung là: Lê Trương Như Q, sinh năm 2004 và Lê Trương Kim C, sinh năm 2005. Hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản*: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn Lê Nhật K có đơn xin giải quyết vắng mặt: trong đơn trình bày thống nhất ly hôn với bà T, hiện nay bị đơn đi làm xa nơi ở không ổn định nên không thể tham gia tố tụng, xin được vắng mặt tại tất cả buổi làm việc và tất cả phiên xét xử của Tòa án (*đơn có xác nhận của địa phương nơi cư trú*).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trương Thị Lệ T giữ nguyên ý kiến trình bày trước đây. Bị đơn ông Lê Nhật K vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trương Thị Lệ T xin ly hôn với bị đơn ông Lê Nhật K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại phường P, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc “*Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực*”.

[1.2] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T (Nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Đắk Lắk) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2008 ngày 06/6/2008 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, phát sinh những mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Lệ T được ly hôn với ông Lê Nhật K.

[2.2] Về con chung: Lê Trương Như Q, sinh năm 2004 và Lê Trương Kim C, sinh năm 2005 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Trương Thị Lệ T được ly hôn với ông Lê Nhật K.

Về con chung: Lê Trương Như Q, sinh năm 2004 và Lê Trương Kim C, sinh năm 2005 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Trương Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009051 ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường Phú Yên;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Nhật